**Đặc tả Usecase nghiệp vụ**

**Usecase Đặt hàng**

1. Đặc tả bảng

|  |
| --- |
| **Use case Đặt hàng**  Use case bắt đầu khi khách hàng xác nhận đặt hàng sau khi đã thêm sản phẩm vào giỏ hàng. |
| **Các dòng cơ bản:**   1. Thực hiện UC Tìm kiếm và xem sản phẩm. 2. Thực hiện UC Thêm sản phẩm vào giỏ hàng. 3. Kiểm tra sản phẩm trong giỏ hàng và chọn “Đặt hàng”. 4. Nhập thông tin giao hàng và chọn phương thức thanh toán. 5. Kiểm tra thông thông tin. 6. Hệ thống sẽ tạo đơn hàng và hiển thị thông báo. 7. Khách hàng kiểm tra lại thông tin sản phẩm đã đặt. |
| **Các dòng thay thế:**  Ở bước 3:   * Nếu giỏ hàng không có sản phẩm, khách hàng thực hiện lại bước 2.   Ở bước 4:   * Nếu thông tin giao hàng không hợp lệ, hệ thống yêu cầu khách hàng nhập lại. |

1. Sơ đồ hoạt động

A screenshot of a computer

Description automatically generated

1. Sơ đồ tuần tự

A screenshot of a computer

Description automatically generated

1. Sơ đồ cộng tác

A diagram of a diagram

Description automatically generated

**Usecase Xem đơn đặt hàng**

1. Đặc tả bảng

|  |
| --- |
| **Use case Xem đơn đặt hàng**  Use case bắt đầu khi khách hàng muốn xem các đơn hàng đã đặt trước đó. Mục tiêu của use case là hiển thị danh sách đơn hàng và trạng thái các đơn hàng mà khách hàng đã đặt. |
| **Các dòng cơ bản:**   1. Đăng nhập vào hệ thống 2. Chọn chức năng “Xem đơn hàng”. 3. Kiểm tra danh sách đơn hàng của khách hàng. 4. Lấy danh sách các đơn hàng. 5. Hiển thị các đơn hàng khách hàng đã đặt và trạng thái của đơn hàng. |
| **Các dòng thay thế:**  Ở bước 3:   * Nếu không có đơn hàng nào, hệ thống sẽ hiển thị thông báo “Không có đơn hàng để hiển thị”.` |

1. Sơ đồ hoạt động

A screenshot of a computer

Description automatically generated

1. Sơ đồ tuần tự

A screenshot of a computer

Description automatically generated

1. Sơ đồ cộng tác

A diagram of a circle with a red line

Description automatically generated

**Đặc tả Usecase nghiệp vụ**

**Usecase Mua hàng trực tiếp**

1. Đặc tả

|  |
| --- |
| **Use case Mua hàng trực tiếp**  Use case bắt đầu khi khách hàng mua sản phẩm tại cửa hàng quần áo và thực hiện thanh toán ngay tại quầy với sự hỗ trợ của nhân viên bán hàng. |
| **Các dòng cơ bản:**   1. Khách hàng chọn sản phẩm muốn mua tại cửa hàng và đưa cho Nhân viên bán hàng. 2. Nhân viên bán hàng nhập mã sản phẩm vào hệ thống. 3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết sản phẩm (tên, giá, số lượng tồn kho). 4. Nhân viên kiểm tra số lượng sản phẩm và xác nhận với Khách hàng. 5. Nhân viên thêm sản phẩm vào giỏ hàng trên hệ thống. 6. Nhân viên chọn phương thức thanh toán (tiền mặt, thẻ tín dụng, chuyển khoản) và yêu cầu Khách hàng thanh toán. 7. Khách hàng thực hiện thanh toán. 8. Hệ thống ghi nhận thanh toán thành công và tự động tạo hóa đơn. 9. Nhân viên in hóa đơn cho Khách 10. Nhân viên giao sản phẩm và hóa đơn cho Khách hàng |
| **Các dòng thay thế:**  Bước 4:   * Nếu sản phẩm hết hàng, Nhân viên thông báo cho Khách hàng và đề xuất sản phẩm thay thế hoặc yêu cầu nhập thêm hàng.   Bước 7:   * Nếu thanh toán gặp lỗi Nhân viên đề xuất Khách hàng chọn phương thức thanh toán khác. |

1. Sơ đồ hoạt động

A screenshot of a computer

Description automatically generated

1. Sơ đồ tuần tự

A screenshot of a computer

Description automatically generated

1. Sơ đồ cộng tác

A white circle in the sky

Description automatically generated

**Usecase Thanh toán**

1. Đặc tả

|  |
| --- |
| **Use case Thanh toán**  Use case bắt đầu khi khách hàng quyết định mua sản phẩm và nhân viên tiến hành thanh toán thông qua hệ thống. |
| **Các dòng cơ bản:**   1. Nhân viên bán hàng chọn đơn hàng từ danh sách hoặc tạo mới đơn hàng từ giỏ hàng của khách hàng. 2. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết đơn hàng (sản phẩm, số lượng, tổng số tiền, thuế, và các khoản phí liên quan nếu có). 3. Nhân viên xác nhận với Khách hàng về tổng số tiền cần thanh toán. 4. Khách hàng chọn phương thức thanh toán (tiền mặt, thẻ tín dụng, chuyển khoản) 5. Nhân viên thực hiện thao tác thanh toán trên hệ thống dựa trên phương thức mà Khách hàng chọn. 6. Hệ thống xử lý giao dịch thanh toán:  * Nếu thanh toán thành công, hệ thống ghi nhận giao dịch và cập nhật trạng thái đơn hàng thành "Đã thanh toán". * Nếu thanh toán thất bại, hệ thống thông báo lỗi và yêu cầu Nhân viên thực hiện lại thanh toán hoặc chọn phương thức khác.  1. Hệ thống tạo hóa đơn thanh toán sau khi giao dịch hoàn tất. 2. Nhân viên in hóa đơn hoặc gửi hóa đơn điện tử qua email cho Khách hàng. 3. Khách hàng nhận sản phẩm và hóa đơn thanh toán. |
| **Các dòng thay thế:**  **Bước 4**:   * Nếu Khách hàng không có đủ tiền mặt hoặc thẻ tín dụng không hoạt động, Nhân viên đề xuất Khách hàng chọn phương thức thanh toán khác. |

1. Sơ đồ hoạt động

A screenshot of a computer

Description automatically generated

1. Sơ đồ tuần tự

A black background with white text

Description automatically generated

1. Sơ đồ cộng tác

A white circle in the sky

Description automatically generated

**Usecase Đăng kí thành viên**

1. Đặc tả bảng

|  |
| --- |
| **Use case Đăng kí thành viên**  Use case bắt đầu khi khách hàng gửi yêu cầu đăng kí thành viên cho nhân viên |
| **Các dòng cơ bản:**   1. Nhân viên nhận yêu cầu đăng kí thành viên từ khách hàng 2. Nhân viên tiếp nhận thông tin khách hàng 3. Nhân viên kiểm tra thông tin khách hàng 4. Nhân viên tạo tài khoản thành viên cho khách hàng 5. Nhân viên trả thông tin tài khoản cho khách hàng |
| **Các dòng thay thế:**  Ở bước 3:   * Nếu khách hàng đã có tài khoản thì kết thúc quy trình |

1. Sơ đồ hoạt động

A diagram of a workflow

Description automatically generated

1. Sơ đồ tuần tự

A screenshot of a computer

Description automatically generated

1. Sơ đồ cộng tác

A diagram of a diagram

Description automatically generated

**Usecase Đăng Nhập (Website)**

a) Đặc tả bảng

|  |
| --- |
| **Use case Đăng Nhập**  Use case bắt đầu khi khách hàng tiến hành đăng nhập trên hệ thống |
| **Các dòng cơ bản:**   1. Khách hàng điền thông tin đăng nhập 2. Khách hàng nhận kết quả đăng nhập 3. Khách hàng vào giao diện trang chủ |
| **Các dòng thay thế:**  Ở bước 2:   * Nếu khách hàng chưa có tài khoản thì tiến hành đăng kí tài khoản và quay lại bước 1 * Nếu khách hàng điền sai thông tin :   + Quên mật khẩu thì tiến hành đổi mật khẩu và quay lại bước 1  + Quay lại bước 1 |

b) Sơ đồ hoạt động

A computer screen shot of a diagram

Description automatically generated

c) Sơ đồ tuần tự

A diagram of a diagram

Description automatically generated with medium confidence

c) Sơ đồ cộng tác

A diagram of a circle with text

Description automatically generated

**Usecase giao tiếp với Chatbot (Website)**

a) Đặc tả bảng

|  |
| --- |
| **Use case Đăng Nhập**  Use case bắt đầu khi khách hàng nhấn vào phần chatbot của website |
| **Các dòng cơ bản:**   1. Khách hàng tiến hành gửi tin nhắn   1.1 Khách hàng gửi chọn 1 mục tin nhắn có sẵn  1.2 Khách hàng nhập tin nhắn thủ công   1. Khách hàng nhận tin nhắn phản hồi |
| **Các dòng thay thế:**  Ở bước 1.2:   * Nếu tin nhắn không có từ khóa hợp lệ thì chuyển tin nhắn trực tiếp cho của hàng * Nếu tin nhắn có từ khóa hợp lệ thì tìm kiếm câu trả lời phù hợp với từ khóa và chuyển sang bước 2   Nếu khách hàng đóng ChatBot thì kết thúc quy trình |

b) Sơ đồ hoạt động

A screenshot of a computer

Description automatically generated

c) Sơ đồ tuần tự

A diagram of a diagram

Description automatically generated

c) Sơ đồ cộng tác

A diagram of a diagram

Description automatically generated

**Sơ đồ hệ thống**

**Đặc tả Use case hệ thống**

**Usecase quản lí danh mục sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | **Quản lí danh mục sản phẩm** |
| **Tóm tắt** | Quản lý có thể tìm kiếm, xem, chỉnh sửa chi tiết thông tin danh mục sản phẩm |
| **Tác nhân** | Quản lý |
| **Use case liên quan** |  |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Quản lý nhấn vào mục quản lý danh mục sản phẩm 2. Quản lý xem thông tin chi tiết danh mục sản phẩm 3. Quản lý chỉnh thêm xóa sửa thông tin danh mục sản phẩm 4. Quản lý nhấn nút lưu 5. Hệ thống thông báo kết quà và cập nhật thông tin thay đổi |
| **Dòng sự kiện phụ** | Nếu không tìm thấy danh mục sản phẩm:   * Hệ thống thông báo “Không tìm thấy danh mục sản phẩm phù hợp”. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống với role quản lý |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị thông tin chi tiết danh mục sản phẩm đã cập nhật |

**Usecase quản lí sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | **Quản lí sản phẩm** |
| **Tóm tắt** | Quản lý có thể tìm kiếm, xem, chỉnh sửa chi tiết thông tin sản phẩm |
| **Tác nhân** | Quản lý |
| **Use case liên quan** |  |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Quản lý nhấn vào mục quản lý sản phẩm 2. Quản lý chọn danh mục sản phẩm 3. Quản lý có thể nhập tên sản phẩm vào thanh tìm kiếm 4. Hệ thổng hiển thị các sản phẩm theo danh mục đã chọn 5. Quản lý xem thông tin chi tiết sản phẩm 6. Quản lý chỉnh thêm xóa sửa thông tin sản phẩm 7. Quản lý nhấn nút lưu 8. Hệ thống thông báo kết quà và cập nhật thông tin thay đổi |
| **Dòng sự kiện phụ** | Nếu không tìm thấy sản phẩm:   * Hệ thống thông báo “Không tìm thấy sản phẩm phù hợp”. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống với role quản lý |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị thông tin chi tiết sản phẩm đã cập nhật |

**Usecase quản lí nhân viên**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | **Quản lí nhân viên** |
| **Tóm tắt** | Quản lý có thể tìm kiếm, thêm, xóa, xem, chỉnh sửa chi tiết thông nhân viên |
| **Tác nhân** | Quản lý |
| **Use case liên quan** |  |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Quản lý nhấn vào mục quản lý nhân viên 2. Hệ thống hiển thị danh sách nhân viên của cửa hàng 3. Quản lý chọn vào 1 nhân viên trong danh sách 4. Quản lý xem thông tin chi tiết nhân viên 5. Quản lý chỉnh thêm xóa sửa thông tin nhân viên 6. Quản lý nhấn nút lưu 7. Hệ thống thông báo kết quà và cập nhật thông tin thay đổi |
| **Dòng sự kiện phụ** |  |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống với role quản lý |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị thông tin chi tiết nhân viên đã cập nhật |

**Usecase quản lí khách hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | **Quản lí khách hàng** |
| **Tóm tắt** | Quản lý có thể tìm kiếm, thêm ,sửa chi tiết thông tin khách hàng ( trừ mật khẩu và số điện thoại ) |
| **Tác nhân** | Quản lý |
| **Use case liên quan** |  |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Quản lý nhấn vào mục quản lý khách hàng 2. Hệ thống hiển thị danh sách thông tin khách hàng của cửa hàng 3. Quản lý chọn tạo ,sửa tài khoản khách hàng 4. Quản lý cập nhật thông tin của khách hàng 5. Quản lý nhấn nút lưu 6. Hệ thống thông báo kết quà và cập nhật thông tin thay đổi |
| **Dòng sự kiện phụ** |  |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống với role quản lý |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị thông tin chi tiết nhân viên đã thay đổi |

**Usecase quản lí đơn hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | **Quản lí đơn hàng** |
| **Tóm tắt** | Quản lý có thể tìm kiếm, thêm ,sửa ,xác nhận thông tin đơn hàng |
| **Tác nhân** | Quản lý |
| **Use case liên quan** |  |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Quản lý nhấn vào mục quản lý đơn hàng 2. Hệ thống hiển thị danh sách thông tin đơn hàng của cửa hàng 3. Quản lý chọn thêm ,sửa ,xác nhận thông tin đơn hàng 4. Quản lý cập nhật thông tin của đơn hàng 5. Quản lý nhấn nút lưu 6. Hệ thống thông báo kết quà và cập nhật thông tin thay đổi |
| **Dòng sự kiện phụ** |  |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống với role quản lý |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị thông tin chi tiết đơn hàng đã thay đổi |

**Usecase báo cáo doanh thu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | **Báo cáo doanh thu** |
| **Tóm tắt** | Quản lý thực hiện lập bảng báo cáo doanh thu của cửa hàng |
| **Tác nhân** | Quản lý |
| **Use case liên quan** |  |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Quản lý nhấn vào mục báo cáo doanh thu 2. Quản lý chọn mốc thời gian 3. Hệ thống hiển thị tổng doanh thu của mốc thời gian đó kèm với các thông tin khác 4. Quản lý nhấn nút gửi báo cáo 5. Hệ thống tiến hành report và lưu file báo cáo danh thu |
| **Dòng sự kiện phụ** |  |
| **Điều kiện tiên quyết** | Quản lý đăng nhập thành công vào hệ thống với role quản lý |
| **Hậu điều kiện** | Báo cáo doanh thu đã lưu thành công |

Usecase Muaban

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | **Mua bán** |
| **Tóm tắt** | Quy trình bắt đầu khi khách hàng muốn mua hàng,nhân viên thực hiện việc tạo đơn hàng và hoàn tất thanh toán. |
| **Tác nhân** | Nhân viên bán hàng  Khách hàng |
| **Use case liên quan** |  |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Khách hàng chọn sản phẩm muốn mua và cung cấp cho Nhân viên. 2. Nhân viên chọn sản phẩm từ danh sách hàng hóa trong phần mềm. 3. Nhân viên kiểm tra số lượng hàng tồn kho trong hệ thống. 4. Nhân viên thêm sản phẩm vào giỏ hàng trong phần mềm. 5. Nhân viên xác nhận thông tin đơn hàng với Khách hàng (sản phẩm, số lượng, giá cả). 6. Nhân viên chọn phương thức thanh toán và Khách hàng thanh toán. 7. Phần mềm tự động in hóa đơn 8. Nhân viên giao sản phẩm và hóa đơn cho Khách hàng. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 3:   * Nếu số lượng hàng không đủ, Nhân viên thông báo cho Khách hàng và đề xuất sản phẩm thay thế hoặc điều chỉnh đơn hàng.   Bước 6:   * Nếu phương thức thanh toán gặp lỗi ,Nhân viên đề xuất phương thức thanh toán khác. |
| **Điều kiện tiên quyết** | * Nhân viên đã đăng nhập vào hệ thống bán hàng. * Khách hàng đã hoàn tất việc chọn hàng cần mua. |
| **Hậu điều kiện** | * Đơn hàng được lưu vào hệ thống bán hàng. * Tồn kho của sản phẩm được tự động cập nhật sau khi hoàn tất giao dịch. * Khách hàng nhận hàng và thanh toán thành công |

Usecase Xuất hóa đơn mua hàng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | **Xuất hóa đơn mua hàng** |
| **Tóm tắt** | Quy trình xuất hóa đơn mua hàng diễn ra sau khi khách hàng đã hoàn tất thanh toán, và hệ thống sẽ tạo, in hoặc gửi hóa đơn cho khách hàng. |
| **Tác nhân** | **Nhân viên bán hàng**  **Khách hàng** |
| **Use case liên quan** | Mua Hàng |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Nhân viên xác nhận đơn hàng đã được thanh toán thành công. 2. Nhân viên nhấn vào tùy chọn "Xuất hóa đơn" trên phần mềm. 3. Hệ thống tạo hóa đơn dựa trên thông tin đơn hàng, bao gồm các chi tiết:  * Danh sách sản phẩm. * Số lượng. * Giá từng sản phẩm. * Tổng số tiền.  1. Hệ thống hiển thị bản xem trước hóa đơn cho Nhân viên kiểm tra. 2. Nhân viên xác nhận thông tin trên hóa đơn 3. Hệ thống thực hiện in hóa đơn 4. Nhân viên cung cấp hóa đơn cho Khách hàng. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Bước 5:   * Nếu phát hiện sai sót trong thông tin hóa đơn, Nhân viên chỉnh sửa thông tin đơn hàng trước khi xuất hóa đơn. |
| **Điều kiện tiên quyết** | * Khách hàng đã hoàn tất thanh toán đơn hàng. * Nhân viên đã đăng nhập vào hệ thống phần mềm bán hàng. |
| **Hậu điều kiện** | * Hóa đơn được lưu vào hệ thống phần mềm bán hàng. * Khách hàng nhận được hóa đơn (bản in hoặc điện tử). |

**Usecase Tìm kiếm và xem sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | **Tìm kiếm và xem sản phẩm** |
| **Tóm tắt** | Khách hàng có thể tìm kiếm và xem chi tiết thông tin sản phẩm mà không cần đăng nhập. |
| **Tác nhân** | Khách hàng |
| **Use case liên quan** | Thêm sản phẩm vào giỏ hàng, Đặt hàng |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Hệ thống hiển thị thanh tìm kiếm. 2. Khách hàng nhập từ khóa tìm kiếm sản phẩm. 3. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm phù hợp. 4. Khách hàng chọn một sản phẩm để xem chi tiết. 5. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của sản phẩm. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Nếu không tìm thấy sản phẩm:   * Hệ thống thông báo “Không tìm thấy sản phẩm phù hợp”. * Quay lại bước 2. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Không yêu cầu khách hàng đăng nhập vào hệ thống. |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị thông tin chi tiết sản phẩm. |

**Sơ đồ lớp mức thiết kế**

A screenshot of a computer

Description automatically generated

**Sơ đồ tuần tự**

**A computer screen shot of a diagram

Description automatically generated**

**Usecase Thêm sản phẩm vào giỏ hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | **Thêm sản phẩm vào giỏ hàng** |
| **Tóm tắt** | Khách hàng có thể thêm sản phẩm vào giỏ hàng để mua sau |
| **Tác nhân** | Khách hàng |
| **Use case liên quan** | Tìm kiếm và xem sản phẩm, Đặt hàng |
| **Dòng sự kiện chính** | Khách hàng chọn sản phẩm từ danh sách sản phẩm hoặc trang chi tiết sản phẩm.  Khách hàng nhấn vào nút “Thêm giỏ hàng”. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Nếu sản phẩm đã hết hàng:   * Hệ thống thông báo “Sản phẩm đã hết hàng” |
| **Điều kiện tiên quyết** | Khách hàng phải đăng nhập vào hệ thống và sản phẩm còn hàng. |
| **Hậu điều kiện** | Sản phẩm được thêm vào giỏ hàng thành công. |

**Sơ đồ lớp mức thiết kế**

**A yellow box with black text

Description automatically generated**

**Sơ đồ tuần tự**

**A diagram of a diagram

Description automatically generated**

**Usecase Đặt hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | **Đặt hàng** |
| **Tóm tắt** | Khách hàng có thể đặt hàng các sản phẩm trong giỏ hàng. |
| **Tác nhân** | Khách hàng |
| **Use case liên quan** | Xem đơn hàng, Thêm sản phẩm vào giỏ hàng |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Khách hàng mở giỏ hàng và nhấn nút “Đặt hàng”. 2. Hệ thống yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin thanh toán và địa chỉ giao hàng. 3. Khách hàng nhập thông tin cần thiết. 4. Hệ thống xác nhận đơn hàng và hiển thị thông báo thành công. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Nếu thông tin khách hàng không hợp lệ:   * Hệ thống thông báo “Thông tin giao hàng không hợp lệ”. * Khách hàng nhập lại thông tin. |
| **Điều kiện tiên quyết** | Khách hàng đã thêm sản phẩm vào giỏ hàng. |
| **Hậu điều kiện** | Đơn hàng được tạo thành công và hiển thị thông báo cho khách hàng. |

**Sơ đồ lớp mức thiết kế**

**A yellow box with black text

Description automatically generated**

**Sơ đồ tuần tự**

**A computer screen shot of a diagram

Description automatically generated**

**Usecase Xem đơn đặt hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | **Xem đơn hàng** |
| **Tóm tắt** | Khách hàng có thể thể xem các đơn hàng đã đặt và trạng thái của các đơn hàng. |
| **Tác nhân** | Khách hàng |
| **Use case liên quan** | Đặt hàng |
| **Dòng sự kiện chính** | 1. Khách hàng truy cập vào mục “Đơn hàng của tôi”/ 2. Hệ thống hiển thị danh sách các đơn hàng mà khách hàng đã đặt. 3. Hệ thống hiển thị trạng thái của đơn hàng. |
| **Dòng sự kiện phụ** | Nếu không có đơn hàng nào:   * Hệ thống hiển thị thông báo “Không có đơn hàng để hiển thị” |
| **Điều kiện tiên quyết** | Khách hàng phải đăng nhập vào hệ thống. |
| **Hậu điều kiện** | Thông tin các đơn hàng được hiển thị cho khách hàng. |

**Sơ đồ lớp mức thiết kế**

A yellow box with black text

Description automatically generated

**Sơ đồ tuần tự**

A screenshot of a computer

Description automatically generated